TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-PT

Ngày: 14 - 02 - 2023

V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài.

Các Thẩm phán: Ông Cóhu Văn Thanh và ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Quốc Thị Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLPT-DS ngày 04/11/2022, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản"* do bản án sơ thẩm dân sự số 09/2022/DSST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai có bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXPT-DS ngày 15/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐPT-DS ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Giàng A T - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Giàng A T là: Bà Phạm Thị T - Là Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai thực hiện việc trợ giúp pháp lý. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 07, phường Nam Cường, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Ông Lý A G - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lý A G: Anh Trần Mạnh H - Luật sư. Địa chỉ: Số nhà 007, đường T, tổ 22, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lý Thị M - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị M: Ông Giàng A T. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

- Ông: Giàng A C (Giàng A Q) và bà: Lý Thị V.

Cùng địa chỉ: Bản N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (đều vắng mặt).

- Ông: Lý A Q - Có mặt; (Bà Giàng Thị D; Ông Lý A N; Bà Chang Thị S - Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người phiên dịch cho ông Giàng A T: Anh Hò A T - Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Lý A G là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/02/1997, gia đình ông Giàng A T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Giàng A C diện tích đất là 350m^2 đất ở và 7.000m^2 đất vườn - Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện S (nay là xã M, thị xã S), tỉnh Lào Cai. Hai bên viết giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, khi bàn giao đất không đo đạc diện tích đất nhưng ông C chỉ ranh giới giáp đất với các hộ liền kề; Phía Bắc giáp đất hộ ông Lý A G, ranh giới là khe suối nhỏ phân chia đất của hai gia đình. Ông C đã trồng trên đất 13 khóm cây Tre, tính từ bờ khe suối trở vào đến chân tả luy và có cây mọc tự nhiên. Khi nhận chuyển nhượng QSDĐ chưa được cấp giấy CNQSDĐ, hai bên thỏa thuận ông C nhận làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ. Đến ngày 31/12/1998 Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy CNQSDĐ số 00108 ngày 31/12/1998 mang tên hộ ông Giàng A C và bà Lý Thị V. Trong đó có cả diện tích đất trồng lúa. Sau khi ông C nhận chuyển nhượng QSDĐ, ông T vẫn chưa làm đăng ký sang tên QSDĐ nhưng vẫn sử dụng đất ổn định từ 1997. Đến năm 2019 ông Lý A G đến trồng cây cỏ Voi và rào bằng cọc tre vào diện tích đất trống khu vực có 13 khóm cây Tre nên phát sinh tranh chấp, đến tháng 6 năm 2019, ông G chặt hết 13 khóm Tre, với số cây bị chặt là 239 cây Tre, đường kính trung bình 15cm. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ông G và bà Chang Thị S chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện QSDĐ, di dời toàn bộ tài sản cây cỏ voi trồng trên đất

trả lại QSD với diện tích đất là 919,5m^2 - Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai và bồi thường 239 cây Tre bị chặt trị giá là 20.390.000 đồng.

Bị đơn ông Lý A G có yêu cầu phản tố đơn trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ ông là Lý A L khai phá để lại cho các con, gồm ông Lý A G, Lý A Q và Lý A N. Toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy CNQSDĐ mang tên ông Q và bà Giàng Thị D. Năm 2018, ba anh em chia diện tích đất do bố mẹ để lại thành ba phần và đã được cấp giấy chứng nhận số AC 822026 cấp ngày 14 tháng 7 năm 2005, giấy QSDĐ số M 570477 cấp ngày 31/12/1998, giấy CNQSDĐ số M 570817 cấp ngày 13/12/1998, giấy chứng nhận số M 570834 cấp ngày 31/12/1998, giấy chứng nhận số M 113681 cấp ngày 30/12/1998 mang tên ông Q. Sau khi ông G được chia đất thì xảy ra tranh chấp với ông Giàng A T, phần diện tích tranh chấp là khoảng 1.200m^2, có chiều dài theo bờ kè đá khoảng 70m, chiều dài giáp khe suối khoảng 50m, chiều giáp đất của gia đình khoảng 20m, tài sản trên đất có 13 khóm tre. Tháng 3/2019, ông G trồng cây cỏ Voi xen vào khoảng trống giữa các khóm cây Tre, đến tháng 5/2019 do ông T nhổ đi nên ông G chặt 13 khóm cây Tre có số cây là 239 cây và ông G tiếp tục trồng cây cỏ Voi và cây Trúc. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T và bà M phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện QSDĐ của ông G và bà Sú đối với diện tích đất là 919,5m^2; Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S thuộc quyền sử dụng của ông G, buộc ông T phải bồi thường cây cỏ Voi, trị giá số tiền là 54.560.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị M, người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Giàng A T trình bày: Ngày 15/02/1997, gia đình bà M và ông T nhận chuyển nhượng của ông Giàng A C diện tích đất là 350m^2 đất ở, 7.000m^2 đất vườn của hộ ông Có như ý kiến đề nghị của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giàng A C và bà Lý Thị V trong các bản khai trình bày: Ngày 15/02/1997, gia đình ông Có chuyển nhượng cho ông Giàng A T diện tích đất ở là 350m^2 và đất vườn là 7.000m^2 - Địa chỉ Thôn H, (như ông T trình bày là đúng). Ranh giới đất của ông Có với gia đình ông Lý A L là bố của ông G được phân định bởi 01 khe nước suối nhỏ chảy tự nhiên. Trước khi chuyển nhượng cho ông T thì ông Có đã trồng 15 khóm cây Tre chết 02 còn 13 khóm trên đất tại khu vực giáp với khe suối. Việc ông G khai bảo ông Có mượn đất của ông L để trồng cây Tre là không đúng. Khi xảy ra tranh chấp tổ hòa giải của thôn đã mời ông C đến chỉ ranh giới đất, ông C đã đến và khẳng định đất tranh chấp giữa ông T và ông G nằm trong diện tích đất của ông C đã chuyển nhượng cho ông T không có tranh chấp về ranh giới với đất của ông L. Bờ kè đá do ông C rào để ngăn trâu bò vào ăn măng tre chứ không phải là ranh giới đất giữa gia đình ông C và gia đình ông L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý A Q, Lý A N trình bày: Diện tích đất 919,5m^2 - Địa chỉ nêu trên có nguồn gốc là của gia đình bố ông để lại. Đến khoảng năm 1989, gia đình ông Giàng A C đã mượn đất để trồng cây Tre làm giống. Đến năm 1997, gia đình ông C chuyển đi tỉnh Lai Châu sinh sống, biết gia đình ông C đã bán đất ruộng cho ông Giàng A T, Giàng A T1 và Giàng A Xà. Đến năm 2018, gia đình các ông chia mảnh đất này cho ông Lý A G, đến năm

2019, ông G đến trồng cây cỏ Voi thì ông T đã nhổ cây cỏ Voi nói là đất này ông T mua của Ông Có nên ông G đã chặt hết 13 khóm cây Tre mà ông C đã trồng nhờ trên đất của gia đình ông nên tranh chấp xảy ra; Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chang Thị S bản khai trình bày: Nhất trí với nội dung quan điểm của ông G và ông Q đã yêu cầu.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/7/2020 xác định diện tích đất tranh chấp là 919,5m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác - Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai và tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KLĐG ngày 3 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản thị xã S tiến hành, kết luận:

- 01 Cây Tre đường kính từ 10cm đến 12cm, cao 12m đến 15m, trị giá là 16.200đồng.

- Cây cỏ Voi cao từ 25cm đến 30cm, trị giá 3.000 đồng/m^2; Cỏ Voi cao từ 80cm đến 90cm, trị giá 5.000đồng/m^2.

- Cây Chàm (để nhuộm quần áo) cao từ 25cm đến 30cm trị giá 4.500 đồng/m^2; Cây Chàm cao từ 90cm đến 1,2m giá 7.500 đồng/m^2.

Tại bản án số 09/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 đã xử; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 164; 169 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 218, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí và lệ phí Tòa án quyết định xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A T như sau:

Công nhận diện tích đất 919,5m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác - Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Giàng A T và bà Lý Thị M. Diện tích đất có tứ cận phía Bắc giáp đất hộ ông Lý A Dế, phía Nam giáp đất hộ gia đình ông Lý A G được phân định bởi khe nước nhỏ có từ trước, phía Đông giáp đất hộ gia đình ông Lý A Q, phía Tây giáp một phần đất ông Giàng A T mua của ông Giàng A C được xác định các điểm tọa độ như sơ đồ thẩm định ngày 01/7/2020 (gửi kèm bản án):

Buộc ông Lý A G và bà Chang Thị S di dời cây trên đất trả diện tích đất là 919,5m^2, đất trồng cây hàng năm khác - Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai cho ông Giàng A T và bà Lý Thị M.

Buộc ông Lý A G và bà Chang Thị S phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông Giàng A T và bà Lý Thị M thực hiện quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 919,5m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác - Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Buộc ông Lý A G phải bồi thường cho ông Giàng A T 239 cây Tre, trị giá số tiền là 3.871.800 đồng. Ông T và bà M có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ, theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Lý A G về việc bồi thường: Buộc ông Giàng A T phải bồi thường cho ông Lý A G cây cỏ Voi, trị giá số tiền là 1.350.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý A G về việc buộc ông Giàng A T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về việc thực hiện QSDĐ với diện tích đất là 919,5m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác; Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Giàng A T về việc yêu cầu ông Lý A G bồi thường thiệt hại số tiền là 16.518.200 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Lý A G về việc yêu cầu ông Giàng A T bồi thường thiệt hại số tiền là 53.210.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; Quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 07/10/2022, bị đơn anh Lý A G kháng cáo, nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã S theo hướng: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A T, buộc ông T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về việc thực hiện QSDĐ đối với 919,5m2 đất của ông theo quy định và phần quyết định công nhận QSDĐ của ông T là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không thỏa thuận được; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử Quyết định trong bản án là có căn cứ pháp luật; Bị đơn Lý A G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng nguồn gốc đất là của bố mẹ ông khi còn sống cho ông Giàng A C mượn trồng tre giống, nay lấy lại. Các bên đương sự không giao nộp tài liệu, chứng cứ bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, kháng cáo là trong thời hạn nên được chấp nhận xem xét; Những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên toà, bị đơn đề nghị ngừng phiên toà để xác minh bản ghi âm của ông Hùng qua điện thoại ghi ý kiến của ông Phó phòng Tài nguyên môi trường thị xã S nói là đất tranh chấp đã có bản đồ quy hoạch thuộc QSD của người sử dụng đất là ông Lý A G. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét ngừng phiên toà để kiểm tra thông tin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân và các bên đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào

kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về hình thức: Đơn kháng cáo của Lý A G có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, trong thời hạn luật định là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giàng A C, bà Lý Thị V; ông Lý A N, bà Giàng Thị Dơ đều không có kháng cáo và đã được Tòa án triệu triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, theo quy định tại Điều 227; 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3]. Về Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Giàng A T khởi kiện yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất, trả lại 919,5m2 đất và bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất tranh chấp tại thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật đất đai và khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản"* để thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền pháp luật quy định.

[4]. Xét kháng cáo của ông Lý A G:

[4.1]. *Về nguồn gốc đất, tài sản trên đất và quá trình sử dụng đất tranh chấp:*

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại đơn và biên bản ghi lời khai của ông G xác định nguồn gốc đất là của ông Lý A L (bố ông G) khai phá, sau khi ông L chết để lại cho ba anh em ông G sử dụng gồm; (ông G; ông Q và ông N) đã được cấp giấy CNQSDĐ mang tên ông Lý A Q và bà Giàng Thị D (là anh trai và chị dâu); Năm 2018 ba anh em chia đất thì ông G tranh chấp với ông Giàng A T. Lý do ông G cho rằng diện tích đất ông T mua của ông Giàng A C là đất của bố ông G, ranh giới là bờ kè đá trở vào bên trong, còn diện tích đất từ bờ kè đá ra đến khe suối (khoảng 1.200m^2) trên đất có 13 khóm cây Tre bị chặt là đất của bố mẹ ông G khi còn sống cho ông Giàng A C mượn để trồng cây Tre làm giống chứ không phải đất của ông C.

Tuy nhiên qua các tài liệu thấy rằng, ông G; ông Q; bà Dơ; ông N, bà Sú là anh em với nhau và là (con ông L); Đều thừa nhận toàn bộ 13 khóm tre là của hộ ông T mua của ông C trên đất để lại, hộ liền kề và những người mua những cây tre giai đoạn 1998 đến 2018 trên đất đều khảng định; Trước năm 2019 đất và cây tre trên đất đều do hộ ông T khai thác chặt, tỉa bán sử dụng (đầu năm 2019 mới tranh chấp); Ông G xác định đất đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 1998 mang tên ông Q. Nhưng biên bản thẩm định ngày 01/7/2020 của Tòa án Sa Pa và văn bản số: 567/TNMT-QLĐ ngày 26/11/2021 của phòng Tài nguyên và môi trường thị xã S xác định, diện tích đất tranh chấp 919,5m^2; Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai là đất không nằm trong giấy CNQSDĐ của hộ ông Lý A Q và bị đơn Lý A G (là đất vẫn chưa giao QSDĐ cho hộ gia đình nào).

Tại các lời khai và biên bản hòa giải ở cơ sở (bút lục;11;12;41;73;221) ông Giàng A C khai và thừa nhận ngày 15/02/1997 gia đình ông C đã chuyển nhượng cho ông T diện tích đất ở là 350m^2, đất vườn là 7.000m^2 - Địa chỉ tại Thôn H, xã H, huyện S (Nay là xã M, thị xã S), ông C xác định trong đó có cả diện tích đất ông C đã trồng 15 khóm tre chết 02 còn 13 khóm tre ở khu vực giáp với đất khe suối (là đất tổ tiên nhà Ông Có để lại); Ranh giới đất của ông C sử dụng khi chưa bán giáp với gia đình ông Lý A L được phân định bởi 01 khe nước tự nhiên (nay vẫn còn); ông C xác định ông không mượn đất của ông L để trồng Tre. Tài liệu giải quyết của tổ hòa giải Thôn H ngày 12/5/2019 theo đề nghị của thôn; Ông C còn trực tiếp đến để chỉ ranh giới đất ông đã chuyển nhượng cho ông T khi có mặt tổ hòa giải. Đồng thời ông C khẳng định đất tranh chấp giữa ông T và ông G nằm trong diện tích đất ông C chuyển nhượng cho ông T trên đất có 13 khóm tre, kè đá khi đó ông sếp thành bờ rào nhằm mục đích chỉ để ngăn trâu, bò vào ăn măng tre non chứ không phải là ranh giới đất giữa nhà ông C với nhà ông L như lời ông G trình bày là không đúng.

Lời khai của người làm chứng ông Giàng A Vảng thừa nhận ranh giới đất giữa nhà ông C và ông L được ngăn cách bằng khe suối nhỏ chảy tự nhiên, gần khu suối là phần đất của ông C trồng cây Tre từ trước, phần đất bên kia dòng suối là của hộ ông L. Lời khai của ông Vảng và ông C ở trên là phù hợp với thực tế khách quan khi ông C viết giấy bán nhượng đất cho ông T bởi; Kể từ trước khi ông C chưa chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất, trên đất tranh chấp vẫn có 13 khóm tre ông C trồng và sử dụng ổn định; Giữa ông C và hộ ông L (bố ông G, ông Q) không ai tranh chấp hay sâm lấn của ai, cũng không có căn cứ giao ước, hứa hẹn mượn đất của nhau. Sau thời điểm năm 1997 diện tích đất 919,5m^2 và số khóm tre trên đất đến nay do ông T sử dụng(nay xác định nhà nước vẫn chưa giao, cấp QSDĐ cho hộ gia đình nào). Nhưng thực tế trước 1997 đất do hộ ông C quản lý, sử dụng; Từ 15/02/1997 ông C chuyển nhượng toàn bộ cho ông T thì gia đình ông T tự quản lý, sử dụng và khai thác tài sản các cây tre có trên đất do ông C để lại đến năm 2019 cũng không có ai tranh chấp hay ý kiến gì, căn cứ này là phù hợp "Điều 247 BLDS 2005 quy định về xác lập quyền sở hữu..." thể hiện (tại bút lục: 94;95;100; 101);

Như vậy, năm 2019 ông G tự ý đến dựng hàng rào bằng các cọc tre chiếm giữ diện tích 919,5m2 và chặt phá 13 khóm tre trên đất (do ông T sử dụng ổn định, lâu dài và liên tục) và tự cho rằng nguồn gốc đất là của bố mẹ ông cho ông C mượn sau tự bán, ông G không biết là chưa hợp lý. Sự chưa phù hợp còn thể hiện; ông C sinh 1932, đến nay tuổi đã cao và chuyển toàn bộ gia đình đi sang tỉnh Lai Châu sinh sống từ khi bán nhà, đất năm 1997 (ông G, ông Q đều biết việc ông C bán nhà và đất ruộng cho hộ ông Giàng A T, Giàng A T1 và Giàng A Xà (bút lục 287); Nhưng trong thời gian 22 năm các con ông L đều biết không ai có ý kiến đề cập gì đến trách nhiệm, nghĩa vụ kế vị của việc cho mượn đất (giữa ông C với ông L và các con ông L để ông T biết) hoặc gửi đơn yêu cầu đến thôn, xã làm căn cứ giải quyết *(mặc dù trong các Luật đất đai từ 1993-2013 đều không có quy định hợp đồng cho mượn đất khi chưa có giấy tờ hợp lệ hoặc tài sản trên đất cho mượn); lời khai* (bút lục 92 thể hiện ông L chết 1993); Như vậy, trước năm 1993

lúc ông L còn sống cũng không có căn cứ chứng mình quyền được sử dụng diện tích đất tranh chấp, nên ông L và các con ông L đều không ai có khiếu kiện gì. Đây cũng là cơ sở khẳng định ông L, ông G, ông Q không có quyền và không phải là đất thừa kế hợp pháp của ông L để lại theo quy định.

Tại phiên toà người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn (mở điện thoại có tiếng nói phát ra từ điện thoại do ghi âm) và cho rằng ghi âm qua hội thoại với ông Phó phòng Tài nguyên và môi trường thị xã S, được ông này cho biết, diện tích đất tranh chấp nay đã có bản đồ quy hoạch, đất thuộc của bị đơn. Đề nghị ngừng phiên toà để kiểm chứng và thẩm định lại danh giới.

Xét đề nghị này thấy rằng; vụ án đã qua 02 lần xét xử sơ thẩm, phúc thẩm năm 2021; Năm 2022 ở hai cấp đã nhiều lần hoãn phiên toà; Bị đơn đều không đưa ra được căn cứ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp liên tục trên diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất; Thừa nhận 13 khóm tre trồng dải rác trên khu đất là của ông C bán cho ông T; Các bản đồ và văn bản trả lời của các cơ quan chuyên môn trong hồ sơ đã rõ; giai đoạn sơ thẩm bị đơn không yêu cầu thẩm định lại (bút lục; 314). Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề nghị này, cũng như ý kiến đề nghị ngừng phiên toà của vị đại diện Viện kiểm sát và xác định cấp sơ thẩm xử buộc ông G trả đất và không chấp nhận yêu cầu của ông G về việc buộc ông T chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đối 919,5m^2 đất tranh chấp là có căn cứ.

[4.2]. Nhận xét bản án sơ thẩm*:* Tuy nhiên, xét thấy; Phần quyết định của bản sơ thẩm đã tuyên: Công nhận diện tích đất 919,5m^2, đất trồng cây hàng năm khác - Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Giàng A T và bà Lý Thị M và tuyên "ông Giàng A T, bà Lý Thị M có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật về đất đai". Quyết định ghi như vậy là chưa đúng (vượt quá quyền yêu cầu khởi kiện ban đầu); Bởi nguyên đơn chỉ yêu cầu "buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở QSDĐ, trả lại diện tích đất tranh chấp và bồi thường số cây tre bị chặt phá"; Theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai người sử dụng đất khi có căn cứ, có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước bảo vệ QSDĐ; Còn việc có yêu cầu cơ quan nhà nước cấp GCNQSDĐ hay không là quyền của người sử dụng đất và cơ quan chức năng; nên cần sửa lại phần quyết định đã tuyên trong bản án sơ thẩm cho đúng quy định.

Tổng hợp những nhận định, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý A G do diện tích 919,5m^2 đất tranh chấp không phải của ông G nên ông G không có quyền yêu cầu ông T chấm dứt việc cản trở QSDĐ (theo sơ đồ và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/7/2020) và sửa lại phần quyết định của bản án sơ thẩm cho đúng quy định;

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Lý A G không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm như: Phần bồi thường dân sự về cây cối; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí sơ

thẩm. Do các bên không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 148 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Toà án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai như sau:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lý A G: Về việc buộc ông Giàng A T chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 919,5m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác; Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giàng A T: Buộc ông Lý A G trả lại diện tích đất 919,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác; Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai cho ông Giàng A T và bà Lý Thị M. Diện tích đất có tứ cận: phía Bắc giáp đất hộ ông Lý A Dế, phía Nam; giáp đất hộ ông Lý A G được phân định bởi khe nước nhỏ có từ trước, phía Đông; giáp đất hộ ông Lý A Qủa, phía Tây; giáp một phần đất ông Giàng A T mua của ông Giàng A C (Như sơ đồ thửa đất đã được thẩm định ngày 01/7/2020 kèm theo bản án) xác định các điểm tọa độ sau: 1.Y(m)410389.20 - X(m)2469860.33;2. Y(m)410390.95 - X(m)2469860.76;3, Y(m)410399.43 - X(m)2469852.48;4. Y(m)410404.48 - X(m)2469848.04;5. Y(m)410408.84 - X(m)2469843.27;6. Y(m)410410.16 - X(m)2469838.78;7. Y(m)410411.79 - X(m)2469831.98;8. Y(m)410413.68 - X(m)2469829.40;9. Y(m)410414.91 - X(m)2469826.48;10. Y(m)410409.80 - X(m)2469824.36;11. Y(m)410408.35 - X(m)2469823.14;12. Y(m)410407.53 - X(m)2469816.54;13. Y(m)410410.75 - X(m)2469811.15;14. Y(m)410411.23 - X(m)2469808.14;15. Y(m)410411.41 - X(m)2469804.78;16. Y(m)410408.32 - X(m)2469799.76;17. Y(m)410404.52 - X(m)2469803.92;18. Y(m)410400.55 - X(m)2469808.99;19. Y(m)410397.21 - X(m)2469813.37;20. Y(m)410396.09 - X(m)2469816.12;21. Y(m)410394.82 - X(m)2469819.63;22. Y(m)410390.96 - X(m)2469826.00;23. Y(m)410389.10 - X(m)2469829.26;24. Y(m)410387.48 - X(m)2469834.02;25. Y(m)410387.30 - X(m)2469845.06;26. Y(m)410386.25 - X(m)2469857.07;27. Y(m)410388.00 - X(m)2469859.75;1. Y(m)410389.20 - X(m)2469860.33.

- Buộc ông Lý A G và bà Chang Thị S di dời số cây Cỏ voi và cây Chàm đang có trên diện tích 919,5m^2 đất tranh chấp để trả lại cho ông Giàng A T và bà Lý Thị M; Buộc ông G và bà S phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông T và bà M về thực hiện quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm khác đối với diện tích đất tranh chấp là 919,5m^2; Địa chỉ Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào

Cai. (Ông T và bà M có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật).

3. Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật để thi hành; kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị (đã ghi trong bản án sơ thẩm).

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Lý A G không phải chịu án phí phúc thẩm; Hoàn trả lại cho ông G số tiền đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005030 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án thị xã S, tỉnh Lào Cai

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TANDTX Sa Pa;
- Chi cục THADS TX Sa Pa;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Đài